

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/12/2020  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Bà Trần Thị Trang.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 369/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2020/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Thúy Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 271, tổ 8, ấp P, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang;

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 271, tổ 8, ấp P, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị Thúy Ph có mặt; Ông Nguyễn Văn L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy Ph trình bày:* Vào năm 2005, bà Ph và ông L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống, bà Ph và ông L sống bên gia đình cha mẹ ruột của bà Ph tại địa chỉ Số 271, tổ 8, ấp P, xã V, thị

xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, bà Ph và ông L chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Bà Ph và ông L sống xa nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Hiện tại tình cảm của bà Ph và ông L đối với nhau đã hết. Bà Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Ph và ông L có 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008.

Bà Ph yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:* Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như bà Ph trình bày. Ông L và bà Ph chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Ông L và bà Ph sống xa nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Tình cảm giữa ông L đối với bà Ph đã hết, ông L đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Thúy Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông L và bà Ph có 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008.

Ông L đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà Ph nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; Không hòa giải về tình cảm do bà Ph và ông L không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/12/2020 của cháu Phạm Thị Tuyết A, Phạm Thị Tuyết V; 02 (hai) cháu có nguyện vọng được sống chung với bà Ph (mẹ) vì bà Ph đã chăm sóc và nuôi dạy 02 (hai) cháu, hiện tại các cháu có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, bà Ph và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình chung sống, bà Ph và ông L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà Ph và ông L có 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008. Ông L đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà Ph nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy Ph được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008. Ông Nguyễn Văn L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Thúy Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Ông L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2005, bà Ph và ông L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sống chung như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà Ph và ông L chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Bà Ph và ông L sống xa nhau từ giữa năm 2020 cho đến nay. Tình cảm giữa bà Ph và ông L không còn nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông L, ông L thống nhất thuận tình ly hôn với bà Ph.

Theo kết quả xác minh ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Bà Ph và ông L chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản ghi lời khai của bị đơn, biên bản hòa giải về con chung, bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L đồng thống nhất khai có 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008.

Bà Ph yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà Ph được tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Các biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/12/2020, Tuyết A, Tuyết V đều có nguyện vọng được sống chung với bà Ph vì có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

Ông L đồng ý giao 02 (hai) con chung cho bà Ph nuôi dạy là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Bà Phạm Thị Thúy Ph được nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

(Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông L đồng thống nhất khai: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp. Ông L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Thúy Ph và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy Ph được nuôi dạy 02 (hai) con chung tên: Phạm Thị Tuyết A, sinh ngày 26/3/2006 và Phạm Thị Tuyết V, sinh ngày 03/5/2008 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Thúy Ph cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thúy Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005444 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Bà Ph đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Thúy Ph là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- UBND cấp xã nơi cư trú của đương sự (2);
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**